

**NGÂN HÀNG TNHH MTV
SHINHAN VIỆT NAM**

Số: SEM.03/2025
V/v: Công bố thông tin về tình
hình tài chính

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Các Nhà đầu tư tham gia đầu tư Trái phiếu của Ngân hàng TNHH MTV
Shinhan Việt Nam ('SHBVN').

Căn cứ quy định tại Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06/11/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: **NGÂN HÀNG TNHH MTV SHINHAN VIỆT NAM**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309103635

Ngày cấp lần đầu: 24/07/2009 Nơi cấp: Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3, 20, 21, 22, 23, Tháp B, Khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà ở cao tầng tại lô đất 1-13 thuộc Khu chức năng số 1- Số 15, Đường Trần Bạch Đằng, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: (+84) 28 3528 7900

- Số fax giao dịch: (+84) 28 3827 3702

- Địa chỉ thư điện tử: shinhanvietnam@shinhan.com

- Loại hình doanh nghiệp: Ngân hàng Trách nhiệm Hữu hạn

- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Dịch vụ huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi)
- Dịch vụ cấp tín dụng;
- Dịch vụ tài khoản;

- Dịch vụ thanh toán;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; và
- Các dịch vụ khác theo Giấy phép thành lập và hoạt động; và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam

- Mã số thuế: 0309103635

2. Tình hình tài chính

- Kỳ báo cáo: kỳ báo cáo năm 2024 (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024).

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ báo cáo:

Chỉ tiêu	Kỳ trước (31/12/2023)	Kỳ báo cáo (31/12/2024)
1. Vốn chủ sở hữu (đồng)	29.746.759.000.000	34.323.087.000.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.723.025.000.000	5.723.025.000.000
Các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế	3.662.103.000.000	4.577.369.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.361.631.000.000	24.022.693.000.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
Chênh lệch tỷ giá	0	0
2. Tổng số nợ phải trả (đồng)	140.987.835.000.000	160.280.793.000.000
Nợ vay ngân hàng	1.180.968.000.000	732.934.000.000
Nợ vay từ phát hành trái phiếu	2.800.000.000.000	7.000.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán riêng lẻ tại thị trường trong nước	2.800.000.000.000	7.000.000.000.000
+ Trái phiếu chào bán ra công chúng tại thị trường trong nước	0	0
+ Trái phiếu chào bán ra thị trường quốc tế	0	0

Nợ phải trả khác	137.006.867.000.000	152.547.859.000.000
+ Công cụ tài chính phải sinh	51.304.000.000	0
+ Các khoản lãi, phí phải trả	1.513.336.000.000	1.511.360.000.000
+ Thuế phải trả	35.984.000.000	21.936.000.000
+ Các khoản phải trả và công nợ khác	135.406.243.000.000	151.014.563.000.000
3. Cơ cấu vốn (lần)		
Hệ số nợ phải trả/Tổng tài sản	0,81	0,81
Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	4,64	4,58
4. Khả năng thanh toán (lần)		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
Hệ số thanh toán nhanh ((tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho) / nợ ngắn hạn)	N/A	N/A
Hệ số thanh toán lãi vay (lợi nhuận trước thuế và lãi vay/lãi vay)	N/A	N/A
5. Dự nợ trái phiếu đã phát hành/Vốn chủ sở hữu (lần)		
Hệ số Tổng dự nợ trái phiếu doanh nghiệp/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,20
Hệ số dự nợ trái phiếu phát hành riêng lẻ/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,20
6. Lợi nhuận (đồng)		
Lợi nhuận/Lỗ trước thuế	5.651.088.000.000	5.771.961.000.000
Lợi nhuận/Lỗ sau thuế trong năm tài chính	4.524.771.000.000	4.576.328.000.000
Lỗ lũy kế (nếu có)	0	0
7. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,65	2,35

Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	15,21	13,33
8. Các chỉ tiêu an toàn tài chính, tỷ lệ bảo đảm an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành: Ngân hàng		
- Giới hạn cấp tín dụng (%)		
+ 1 khách hàng	9,26	10,22
+ 1 nhóm khách hàng có liên quan	12,02	13,95
- Giới hạn góp vốn mua cổ phần		
- Tỷ lệ an toàn vốn CAR (%)	20,27	21,19
- Tỷ lệ khả năng chi trả (%)		
+ Tỷ lệ dự trữ thanh khoản (quy đổi VND)	25,15	22,90
+ Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (VND)	126,22	122,06
+ Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày (ngoại tệ)	128,05	368,06
- Tỷ lệ dư nợ cho vay so với tổng tiền gửi (LDR) (%)	74,02	78,38
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (%)	25,03	20,11

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2023 và 2024 đã kiểm toán của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam)

Các chỉ tiêu an toàn tài chính của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam trong năm 2023 và 2024 đều đáp ứng quy định của pháp luật theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN và Thông tư 22/2019/TT-NHNN

3. Ý kiến đối với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán đủ điều kiện:

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Ý kiến của tổ chức kiểm toán: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác, đầy đủ của thông tin công bố nêu trên./.

NGƯỜI LẬP BIỂU
KSV. Phòng Thanh Toán



Lâm Công Thụy

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
GD. Phòng Nguồn Vốn



JANG YOUNG JIN
Director
Treasury Department



Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT

Tài liệu kèm theo bao gồm: Báo cáo tài chính 2024 đã được kiểm toán